

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƠN THÀNH  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-12- 2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung,  
tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ung Thị Ngọc Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Xuân Đỉnh

2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Sách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Kim Châu, xã K, huyện O, TP. Hà Nội

2. Bị đơn: Chị Nguyễn L, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: KP. Trung Lợi, TT. C, huyện T, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 11 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn L trước đây tự do quen nhau và tìm hiểu được 01 năm, sau đó được sự chấp nhận của hai bên gia đình đồng ý và xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới. Hôn nhân giữa anh T và chị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Phước vào ngày 26/02/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, không xảy ra mâu thuẫn gì. Tới tháng 3, tháng 4 năm 2019 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, anh T cố gắng để hàn gắn nhưng không thành, hai vợ chồng đã sống ly thân được 03 năm do anh T đi làm ăn xa, hai vợ chồng không thống nhất được quan

điểm, vợ chồng không hòa thuận, thường hay cãi nhau. Nay anh T nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị L

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Y sinh ngày 04/5/2015, hiện con đang sống cùng chị L. Nay ly hôn anh T đồng ý giao con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh T sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con 18 tuổi

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu tòa giải quyết.

*Tại bản tự khai đề ngày 12/11/2021 bị đơn chị Nguyễn L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn vào ngày 26/02/2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện C, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp và thiếu tôn trọng lẫn nhau dẫn đến nhiều lần cãi vã, gây lộn. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị L đồng ý

Về nuôi con chung: Thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Y sinh ngày 04/5/2015. Nay ly hôn chị L đồng ý nuôi con và đồng ý để anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn anh Phạm T, bị đơn chị Nguyễn L vắng mặt có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Việc chấp hành theo quy định pháp luật tố tụng

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 và Điều 234 BLTTDS

+Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

+Về quan điểm giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: Anh Phạm T và chị Nguyễn L chung sống với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy anh chị thường xuyên mâu thuẫn và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho anh Phạm T được ly hôn với chị Nguyễn L.

Về con chung: Anh T, chị L có 01 con chung tên Phạm Y sinh ngày 04/5/2015 hiện đang sống chị L. Anh T có nguyện vọng giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh T sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con 18 tuổi và chị L cũng thống nhất với ý kiến của anh T. Xét thấy đây sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận.

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

{1} Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn anh Phạm T, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc Ly hôn theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do bị đơn chị Nguyễn L hiện đang sinh sống tại khu phố T, TT. C, huyện T, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm T, bị đơn chị Nguyễn L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm T, Hội đồng xét xử xét thấy:

{2.1}. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm T và chị Nguyễn L tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

{2.2} Trong quá trình giải quyết vụ án anh T cho rằng quá trình chung sống thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, không xảy ra mâu thuẫn gì. Tới tháng 3, 4 năm 2019 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, anh T cố gắng để hàn gắn nhưng không thành, hai vợ chồng đã sống ly thân được 03 năm do anh T đi làm ăn xa, hai vợ chồng không thống nhất được quan điểm, vợ chồng không hòa thuận, thường hay cãi nhau. Chị L cũng thống nhất với anh T về việc vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn do chung sống vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp và thiếu tôn trọng lẫn nhau dẫn đến nhiều lần cãi vã, gây lộn. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T, chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn với chị L.

{2.3} Về nuôi con chung: Quá trình chung sống anh T, chị L có 01 con chung tên Phạm Y sinh ngày 04/5/2015, hiện con đang sống chị L. Nay ly hôn, anh T yêu cầu giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con 18 tuổi. Chị L đồng ý tiếp tục nuôi con và cũng đồng ý anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con 18 tuổi. Do đây sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự nên cần được chấp nhận.

{2.4} Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết

{2.5} Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Phạm T phải chịu là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ nêu trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho anh Phạm T được ly hôn với chị Nguyễn L

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung tên Phạm Y sinh ngày 04/5/2015 cho chị Nguyễn L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Phạm Y sinh ngày 04/5/2015 mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: anh Phạm T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011581 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã Thành Tâm
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ung Thị Ngọc Thanh**

